

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ IV NĂM 2009

STT	CHỈ TIÊU	Mã	THUYẾT T	QUÝ III/09	QUÝ IV/09	CHÊNH LỆCH	
		số	MINH				%
1	Doanh thu bán hàngvà cung cấp dịch vụ	1	VI.25	196,699,486,272	276,682,798,426	79,983,312,154	140.66
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10		196,699,486,272	276,682,798,426	79,983,312,154	140.66
	dịch vụ (10 = 10 - 01)			0	0		
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	124,644,994,623	161,814,700,605	37,169,705,982	129.82
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		0	0	0	
	dịch vụ (20 = 10 -11)			72,054,491,649	114,868,097,821		159.42
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	6,456,112,956	9,231,790,900	2,775,677,944	142.99
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	-1,245,540,123	6,112,796,546	7,358,336,669	-490.77
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		4,130,629,698	167,694,605	-3,962,935,093	4.06
8	Chi phí bán hàng	24		1,091,993,437	2,595,482,635	1,503,489,198	237.68
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,301,708,270	7,975,188,419	1,673,480,149	126.56
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72,362,443,021	107,416,421,121	35,053,978,100	148.44
	{ 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }						
11	Thu nhập khác	31		-16,384,219,528	6,609,779,713	16,670,327,286	-40.34
12	Chi phí khác	32		-9,574,140,523	7,096,186,763	6,323,671,955	-74.12
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		-6,810,079,005	-486,407,050	6,323,671,955	7.14
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		65,552,364,016	106,930,014,071	41,377,650,055	163.12
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	22,033,675	1,864,760,915	1,842,727,240	8,463.23
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		0		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52	60		65,530,330,341	105,065,253,156	39,534,922,815	160.33
18	Lợi ích của cổ đông thiểu số						
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			65,530,330,341	105,065,253,156	39,534,922,815	160.33
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Giải Trình:

Trong Quý III/2009: Sản lượng tiêu thụ là 5.897,63 tấn; Giá bán bình quân: 29.695.184 VND/tấn.

Trong Quý IV/2009: Sản lượng tiêu thụ là 6.093,59 tấn; Giá bán bình quân: 37.858.338 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ Quý IV/2009 cao hơn Quý III/2009. Đồng thời giá bán bình quân cao hơn Quý III/2009. (giá bán bình quân Quý IV/2009 tăng lên: 8.163.154 VND/tấn hay tăng 32 % so với Quý III/2009)

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Quý IV/2009 tăng: 35.053.978.100 VND hay tăng 48,44% so với Quý III/2009. Do Quý IV/2009 chuyển dịch doanh thu bán cây cao su lên doanh thu sản xuất chính.

+ Lợi nhuận khác Quý IV/2009 tăng 6.323.671.955 VND so với Quý III/2009.

Do đó, lợi nhuận sau thuế Quý IV/2009 tăng 39.534.922.815 VND hay tăng 60,33% so với Quý III/2009.

** Điều chỉnh giải trình biến động kết quả kinh doanh của quý 3 và quý 4 năm 2009. Do nhầm lẫn tỷ lệ phần trăm.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

VÕ DUY HƯỚNG